TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 21/4/2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đăng Hùng;

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 21/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST – HNGĐ ngày 14/12/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXX - ST ngày 08/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST - HPT ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Th - Sinh năm 1983."có mặt".
Địa chỉ: Đội 08, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên

2. Bị đơn: Anh Sa Nhật T - Sinh năm 1972."vắng mặt".
Địa chỉ: Đội 08, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08/12/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lường Thị Th (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Tân lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh An, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 16/3/2005. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, thậm chí anh Tân còn đánh đập tôi và rất coi thường tôi nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tân.

2. Về con chung: Chị Thương khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Sa Thu Hiền, sinh ngày 01/02/1999 và cháu Sa Mạnh Tuyến, sinh ngày 21/02/2008.

Chị Thương có nguyện vọng được nuôi cháu Tuyến và yêu cầu anh Tân phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là ba triệu đồng.

Còn cháu Hiền đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Tuyến là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Sa Nhật T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã T X đã xác định sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả.

- Án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lường Thị Th, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thương xin ly hôn với anh Tân, anh Tân có hộ khẩu thường trú tại xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Thương và anh Tân kết hôn năm 2005, đến năm 2022 thì chị Thương khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thương và anh Tân lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai người không còn quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Thương và anh Tân đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Thương xác định tình cảm của mình đối với anh Tân không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Thương vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tân. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Thương khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thương và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị Th và anh Sa Nhật T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Sa Thu Hiền, sinh ngày 01/02/1999 và cháu Sa Mạnh Tuyến, sinh ngày 21/02/2008.

Tại phiên tòa chị Thương có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung là Sa Mạnh Tuyến và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Tuyến là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Thương làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Tân không có ý kiến gì, còn cháu Tuyến thì có bản tự khai và có nguyện vọng là muốn được ở cùng với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy chị Thương và anh Tân đều có khả năng nuôi con chung, hơn thế nữa việc nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của bố mẹ. Do từ khi chị Thương làm đơn xin ly hôn thì anh Tân không có ý kiến gì, không đến Tòa án theo thông báo và triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Thương và giao cháu Tuyến cho chị Thương trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thương không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thương phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Thương đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005110 ngày 14/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Thương đã nộp đủ án phí DSST.

Đối với bị đơn Sa Nhật T: Không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Lường Thị Th được ly hôn với anh Sa Nhật T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Thương và giao con chung là cháu Sa Mạnh Tuyến, sinh ngày 21/02/2008 cho chị Thương trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Thương về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thương phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Thương đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005110 ngày 14/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Thương đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh An;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nguyễn Đăng Hùng	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Phương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Luông;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Phan Thanh Bắc	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nông Trung Kiên	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Tâm